

STT	DỊCH VỤ		MỨC PHÍ
I - PHÍ TRẢ NỢ TRƯỚC HẠN			
1	Cho vay lãi tính theo dư nợ giảm dần/trả nợ gốc cuối kỳ		
1.1	Vay ngắn hạn (cho vay từng lần)	Thời gian vay thực tế ^(a) \geq 50% thời gian vay của Giấy nhận nợ ^(b)	Miễn phí
		Thời gian vay thực tế $<$ 50% thời gian vay của Giấy nhận nợ	1,5% số tiền trả nợ trước hạn TT: 200.000 VND
1.2	Vay trung và dài hạn	Thời gian vay thực tế \geq 70% thời gian vay của Giấy nhận nợ	Miễn phí
		Thời gian vay thực tế từ 30% đến dưới 70% thời gian vay của Giấy nhận nợ	2% số tiền trả nợ trước hạn
		Thời gian vay thực tế $<$ 30% thời gian vay của Giấy nhận nợ	3% số tiền trả nợ trước hạn
2	Cho vay lãi tính trên dư nợ ban đầu (lãi add-on) (chỉ áp dụng khi tất toán khoản vay)		
2.1	Thời điểm tất toán khoản vay \geq 50% thời gian vay của Giấy nhận nợ		Miễn phí
2.2	Thời điểm tất toán khoản vay $<$ 50% thời gian vay của Giấy nhận nợ		5% số tiền tất toán
II - PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN HẠN MỨC TÍN DỤNG (HMTD) DỰ PHÒNG VÀ PHÁT HÀNH CAM KẾT THU XẾP TÀI CHÍNH CÓ ĐIỀU KIỆN			
1	Các văn bản hứa cấp tín dụng		0,10% giá trị cấp tín dụng TT: 1.000.000 VND
2	Cấp HMTD dự phòng		0,2% giá trị hạn mức TT: 500.000 VND
III - PHÍ CAM KẾT RÚT VỐN			
1	Phí cam kết rút vốn		Tối thiểu 0,5% - Tối đa 1,5% giá trị khoản cấp tín dụng (VND) 0,2% giá trị khoản cấp tín dụng (USD)